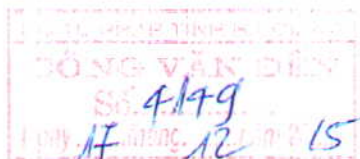


Số: 200 /2015/NQ-HĐND

Hà giang, ngày 10 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Sau khi xem xét trình số: 141/TTr-UBND ngày 27/11/2015 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 148/BC-KTNS ngày 07/12/2015 của Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI - Kỳ họp thứ 16 thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Trưởng Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVI;
- LĐ VP Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH & HĐND; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT. A

CHỦ TỊCH



Triệu Tài Vinh

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
địa phương giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 200 /2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng
12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển (sau đây gọi tắt là ĐTPT) nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Hà Giang để làm căn cứ lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn ĐTPT nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016 - 2020

Thực hiện theo quy định tại mục I ngành, lĩnh vực sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 4. Nguyên tắc về phân bổ vốn ĐTPT trong giai đoạn 2016 - 2020.

1. Nguyên tắc chung:

a) Việc phân bổ vốn ĐTPT nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục 

tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các địa phương.

b) Việc phân bổ vốn phải nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của tỉnh và các địa phương.

c) Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

d) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Bố trí vốn cho vùng động lực, nhằm thu hút các nguồn lực khác đầu tư, tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết của Tỉnh ủy Hà Giang về phát triển vùng động lực.

g) Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn khác cho phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

h) Dự án, công trình do các sở, ngành làm chủ đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương và quyết định đầu tư, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn chi tiết theo danh mục và mức vốn từng dự án, công trình.

i) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn ĐTPT giai đoạn 2016 - 2020.

a) Dự phòng trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư trung hạn theo đúng quy định tại điểm a, khoản 2, mục II của quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn kèm theo Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng chính phủ.

b) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước từng ngành, lĩnh vực, chương trình trong giai đoạn 2016 - 2020:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Bố trí vốn để thu hồi các khoản ứng trước ngân sách.
- Bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương, để trả các khoản vay tín dụng, tạm ứng kho bạc Nhà nước.

- Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Bố trí vốn cho các dự án dở dang giai đoạn 2011-2015, chuyển sang thực hiện giai đoạn 2016-2020.

- Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công; Điều 10, 13 và Điều 27 Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ĐTPT nguồn cân đối Ngân sách địa phương đối với các huyện, thành phố

1. Xác định tiêu chí tính điểm:

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối cho các địa phương gồm 2 nhóm tiêu chí sau:

a) Các tiêu chí chung, bao gồm:

- Tiêu chí dân số, gồm: dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố, căn cứ theo kết quả niên giám thống kê năm 2014.

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm:

+ Tỷ lệ hộ nghèo: Căn cứ số liệu điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2014.

+ Số thu ngân sách huyện, thành phố là số thu nội địa (*không bao gồm khoản thu sử dụng đất*), căn cứ vào dự toán giao thu ngân sách năm 2015 theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Tiêu chí diện tích đất tự nhiên của các huyện, thành phố: Diện tích đất tự nhiên được tính trên cơ sở số liệu niên giám thống kê tỉnh năm 2014 (*Trường hợp điều chỉnh địa giới hành chính, UBND tỉnh thống nhất Thường trực HĐND tỉnh điều chỉnh tiêu chí theo quy định*).

- Tiêu chí về đơn vị hành chính: là số đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (*gọi chung là đơn vị hành chính cấp xã*).

- Tiêu chí xã biên giới.

- Tiêu chí xã 135.

- Tiêu chí cấp đô thị: Cấp đô thị là trung tâm hành chính huyện, thành phố (*thời điểm xác định cấp đô thị được xác định theo ngày ban hành Nghị quyết, hoặc Quyết định của cấp có thẩm quyền tính đến trước ngày 31/12/2014. Trường hợp cấp đô thị được nâng lên, UBND tỉnh thống nhất Thường trực HĐND tỉnh điều chỉnh tiêu chí theo quy định*). 

b) Tiêu chí đặc thù, bao gồm:

- Tiêu chí vùng động lực phát triển kinh tế: Vùng động lực được xác định theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, bao gồm: huyện Bắc Quang, Vị Xuyên, Quang Bình, Bắc Mê và thành phố Hà Giang.

- Tiêu chí thành phố: thành phố Hà Giang.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí:

- Tiêu chí dân số:

+ Tiêu chí dân số trung bình: Đến 50.000 người được 1 điểm; trên 50.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được cộng thêm 0,1 điểm (*trên 5.000 người được làm tròn thành 10.000 người*).

+ Tiêu chí dân số là người dân tộc thiểu số: Tính tương tự như tiêu chí dân số trung bình.

- Tiêu chí về trình độ phát triển:

+ Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: cứ 1% hộ nghèo được tính 0,3 điểm (*số lẻ trên 0,5% được làm tròn thành 1%*).

+ Tiêu chí thu ngân sách trên địa bàn đến 30 tỷ đồng được 1 điểm; trên 30 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 0,3 điểm; trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính 0,5 điểm; trên 200 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm 1 điểm. Số thu lẻ trên 5 tỷ đồng được làm tròn thành 10 tỷ đồng.

- Tiêu chí diện tích đất tự nhiên: Cứ 100 km², được tính 0,5 điểm (*trên 50 km², được làm tròn thành 100 km²*).

- Tiêu chí đơn vị hành chính: Mỗi đơn vị hành chính cấp xã được tính 0,5 điểm.

- Tiêu chí xã biên giới được tính 0,5 điểm.

- Tiêu chí xã 135 được tính 0,5 điểm.

- Tiêu chí cấp đô thị:

+ Đô thị loại 3: được tính 3 điểm.

+ Đô thị loại 4: được tính 2 điểm.

+ Đô thị loại 5: được tính 1 điểm.

- Tiêu chí đặc thù:

+ Tiêu chí vùng động lực: Mỗi đơn vị 10 điểm.

+ Tiêu chí thành phố: được tính 10 điểm.

(Có Phụ lục tính điểm theo tiêu chí của từng huyện, thành phố kèm theo) 6

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nguồn ngân sách trung ương giao đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương của kế hoạch trung hạn và hàng năm, Ủy ban nhân dân Tỉnh xây dựng kế hoạch phân bổ cho các công trình và vốn phân cấp cho các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định vào kỳ họp cuối năm.

2. Hội đồng nhân dân cấp huyện, thành phố căn cứ vào nguồn vốn được tỉnh phân bổ, xem xét quyết định phân bổ cho các công trình, dự án thuộc cấp mình quản lý vào kỳ họp cuối năm.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có quy định nào chưa phù hợp hoặc cần hoặc cần sửa đổi, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất Thường trực HĐND tỉnh hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.

CHỦ TỊCH



Triệu Tài Vinh

PHỤ LỤC TÍNH ĐIỂM THEO TIÊU CHÍ CỦA TỪNG HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh)

STT	Tên tiêu chí		Tổng cộng (toàn tỉnh)	Thành phố Hà Giang	Bắc Quang	Quang Bình	Vị Xuyên	Bắc Mê	Hoàng Su Phì	Xín Mần	Quản Bạ	Yên Minh	Đồng Văn	Mèo Vạc
Tổng điểm phân bổ vốn (I+II)		Số điểm *	443	43	39	35	55	42	41	37	30	37	43	41
I	Các tiêu chí chung	Số điểm	383	23	29	25	45	32	41	37	30	37	43	41
1	Dân số	Số điểm	26,1	2,0	2,9	2,2	2,9	2,0	2,2	2,2	2,0	2,7	2,4	2,6
	Dân số trung bình	SL (người)	799.733	53.661	110.041	61.508	104.789	53.717	64.556	63.496	49.759	86.896	73.105	78.205
		Số điểm	13,3	1,0	1,6	1,1	1,5	1,0	1,1	1,1	1,0	1,4	1,2	1,3
	Số người DTTS	SL(người)	695.988	22.380	79.472	56.553	87.048	51.496	61.462	61.501	46.803	83.375	70.546	75.352
		Số điểm	12,8	1,0	1,3	1,1	1,4	1,0	1,1	1,1	1,0	1,3	1,2	1,3
2	Trình độ phát triển	Số điểm	117,3	13,4	4,0	6,7	11,1	12,8	9,1	10,6	10,0	9,7	14,8	15,1
	Tỷ lệ hộ nghèo	SL (%)		0,51	6,41	16,62	19,74	28,77	24,68	31,53	24,27	28,54	45,89	40,28
		Số điểm	80,7	0,3	1,8	5,1	6,0	8,7	7,5	9,6	7,2	8,7	13,8	12,0
	Thu NSNN	SL (tỷ đồng)	954,935	253,385	68,070	53,380	139,610	115,775	45,140	33,170	89,760	33,370	23,535	99,740
		Số điểm	36,6	13,1	2,2	1,6	5,1	4,1	1,6	1,0	2,8	1,0	1,0	3,1
3	Diện tích tự nhiên	SL (Km2)	7.914,9	133,9	1.098,7	791,9	1.495,2	852,6	632,6	583,8	534,3	783,7	445,0	563,1
		Số điểm	39,5	0,5	5,5	4,0	7,5	4,5	3,0	3,0	2,5	4,0	2,0	3,0
4	Số đơn vị hành chính cấp xã	SL (xã)	195	8	23	15	24	13	25	19	13	18	19	18
		Số điểm	97,5	4,0	11,5	7,5	12,0	6,5	12,5	9,5	6,5	9,0	9,5	9,0
5	Số xã biên giới	SL (xã)	34				5		4	4	5	4	9	3
		Số điểm	17				2,5		2,0	2,0	2,5	2,0	4,5	1,5
6	Số xã 135	SL (xã)	141		5	7	16	10	23	18	11	17	17	17
		Số điểm	71		2,5	3,5	8,0	5,0	11,5	9,0	5,5	8,5	8,5	8,5
7	Cấp đô thị	Số điểm	15	3	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	Đô thị loại 3	Số điểm	3	3										
	Đô thị loại 4	Số điểm	2		2									
	Đô thị loại 5	Số điểm	10		1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
II	Tiêu chí đặc thù	Số điểm	60	20	10	10	10	10						
1	Vùng động lực	Số điểm	50	10	10	10	10	10						
2	Thành phố	Số điểm	10	10										

* Vốn 01 điểm tiêu chí = $\frac{\text{Tổng vốn phân cấp năm}}{\text{Tổng số điểm toàn tỉnh (443 điểm)}}$

* Số vốn của một huyện/tp = Số vốn 01 điểm tiêu chí X Tổng số điểm tiêu chí của huyện/tp.